Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8401.10.00

Mã HS	8401.10.00
Mô tả hàng hóa	Lò phản ứng hạt nhân; các bộ phận chứa nhiên liệu (cartridges), không bị bức xạ, dùng cho các lò phản ứng hạt nhân; máy và thiết bị để tách chất đồng vị / - Lò phản ứng hạt nhân
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 00:56:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12809
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12809
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12809
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12080
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12023
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12023
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12023
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12023
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12023
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12023
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12075
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12075
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12075
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12075
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12075
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12076
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12076
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12076
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12076
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12076
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12076
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12079
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12029
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12035
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12035
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12035
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12035
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12035
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12035
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12068
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12068
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12068
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12068
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12068
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12068
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12113
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12113
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12113

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12113
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12113
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12113
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12098
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12098
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12098
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12098
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12098
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12098
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12098
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12098
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12098
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12098
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12098
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12098
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12115
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12115
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12115
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12115
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12115
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12115
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12114
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12114
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12114
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12114
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12114

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12114
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12061
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12061
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12061
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12061
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12061
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12061
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12061
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12098
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12098
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12098
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12098
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12098
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12098
RCEP B	2022	2022	0	B!D12098
RCEP B	2023	2023	0	B!E12098
RCEP B	2024	2024	0	B!F12098
RCEP B	2025	2025	0	B!G12098
RCEP B	2026	2026	0	B!H12098
RCEP B	2027	2027	0	B!I12098
RCEP C	2022	2022	0	C!D12098
RCEP C	2023	2023	0	C!E12098
RCEP C	2024	2024	0	C!F12098
RCEP C	2025	2025	0	C!G12098
RCEP C	2026	2026	0	C!H12098
RCEP C	2027	2027	0	C!I12098

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12097
RCEP D	2023	2023	0	D!E12097
RCEP D	2024	2024	0	D!F12097
RCEP D	2025	2025	0	D!G12097
RCEP D	2026	2026	0	D!H12097
RCEP D	2027	2027	0	D!I12097
RCEP E	2022	2022	0	E!D12101
RCEP E	2023	2023	0	E!E12101
RCEP E	2024	2024	0	E!F12101
RCEP E	2025	2025	0	E!G12101
RCEP E	2026	2026	0	E!H12101
RCEP E	2027	2027	0	E!I12101
RCEP F	2022	2022	0	F!D12098
RCEP F	2023	2023	0	F!E12098
RCEP F	2024	2024	0	F!F12098
RCEP F	2025	2025	0	F!G12098
RCEP F	2026	2026	0	F!H12098
RCEP F	2027	2027	0	F!I12098
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11185
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11185
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11185
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11185

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8401.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8401.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12809), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.